TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận.

2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; (có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

+ Người đại diện theo ủy quyền của anh M: Bà Luân Thị N1, sinh năm 1994; (có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: n Nguyễn Hữu Cầu, phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1991; (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1957; (xin xử vắng mặt)

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1956; (xin xử vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn K, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Anh M và chị N kết hôn ngày 21/01/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ lâu vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/11/2016. Khi ly hôn, anh xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm về xây dựng, thu nhập trung bình một tháng là 8 triệu đồng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là bà Bùi Thị H, bà Phạm Thị T cũng như tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh M, chị N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Ngoài ra mẹ đẻ anh M là bà T còn ý kiến đề nghị giao con chung cho anh M nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ anh M nuôi cháu D.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử anh M ly hôn chị N. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/11/2016 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được triệu tập

hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh M, chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị N không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên hòa giải, điều đó thể hiện thái độ không thiện chí đoàn tụ của chị N. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh M, chị N đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, từ đó vợ chồng đã xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Thực tế vợ chồng đang sống ly thân mỗi người một nơi; đến nay anh M không còn tình cảm với chị N và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử anh M ly hôn chị N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh M, chị N có 01 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/11/2016. Xét anh M có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Gia đình anh M nhất trí hỗ trợ anh M chăm sóc cháu Duy. Thực tế, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu D vẫn ở với bố và ông bà nội. Do vậy, cần giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Nguyễn Văn M ly hôn chị Lê Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/11/2016 cho anh Nguyễn Văn M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008938 ngày

16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Anh M đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung